

Ngày soạn 01/9/2025	Dạy	Ngày			Ghi chú
		Tiết			
		Lớp	6A3	6A4	

TIẾT 2 - §2: CÁCH GHI SỐ TỰ NHIÊN

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

- Nhận biết được mối quan hệ giữa các hàng và giá trị mỗi chữ số (theo vị trí) trong một số tự nhiên đã cho viết trong hệ thập phân.
- Nhận biết được số La Mã không quá 30

2. Năng lực**- Năng lực riêng:**

- + Đọc và viết được số tự nhiên.
- + Biểu diễn được số tự nhiên cho trước thành tổng giá trị các chữ số của nó.
- + Đọc và viết được các số La Mã không quá 30.

- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.**3. Phẩm chất****- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1 - GV:**

- + Chuẩn bị sẵn các bảng theo mẫu trong sách như bảng 1 và bảng các số La Mã.
- + Hình ảnh đồng hồ với mặt số viết bằng số La Mã.

2 - HS :

- + Ôn lại kiến thức đã học ở Tiểu học về cấu tạo thập phân của một số tự nhiên.
- + Sưu tầm các đồ dùng, tranh ảnh có số La Mã.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)****a) Mục tiêu:** Hiểu về lịch sử của số tự nhiên.**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu hoặc tranh ảnh và chú ý lắng nghe.**c) Sản phẩm:** HS nắm được các cách viết số tự nhiên khác nhau qua giai đoạn, năm tháng.**d) Tổ chức thực hiện:****- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giới thiệu và chiếu một số hình ảnh liên quan đến cách viết số tự nhiên từ thời nguyên thủy (hình ảnh dưới phần hồ sơ dạy học) “ Trong lịch sử loài người, số tự nhiên bắt nguồn từ nhu cầu đếm và từ rất sớm. Các em quan sát hình chiếu và nhận xét về cách viết số tự nhiên đó.”

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Cách ghi số tự nhiên đó như thế nào, có dễ đọc và sử dụng thuận tiện hơn không?”
=> Bài mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Hệ thập phân

a) Mục tiêu:

- + HS nhận biết được cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân và mối quan hệ giữa các hàng.
- + HS hiểu giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.
- + HS nhận thấy kết luận thu được rất gần gũi với thực tế đời sống.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: * GV cho HS quan sát và đọc trong SGK -> đọc hiểu cặp đôi để hiểu và ghi nhớ. * GV lưu ý về chữ số đầu và về cách viết: 1. Với các số tự nhiên khác 0, chữ số đầu tiên (từ trái sang phải) khác 0. 2. Đối với số có 4 chữ số trở lên, ta viết tách riêng từng lớp. Mỗi lớp là một nhóm ba chữ số kể từ trái sang phải. * GV phân tích kĩ ví dụ: số 21 707 263 598 đọc là “<i>Hai mươi một tỉ, bảy trăm linh bảy triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm chín mươi tám</i>”) có các lớp, hàng như trong Bảng 1-SGK-tr9. * GV yêu cầu HS lấy ví dụ về 1 số bất kì -> nói cho nhau nghe cách đọc và phân tích các lớp, hàng của số đó. * GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành “?” * GV chốt đáp án và chú ý lại những đáp án sai. (GV lưu ý HS không viết 012; 021)	1. HỆ THẬP PHÂN a. Cách ghi số tự nhiên trong hệ thập phân + Trong hệ thập phân, mỗi số tự nhiên được viết dưới dạng một dãy những chữ số lấy trong 10 chữ số: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8 và 9. Vị trí của các chữ số trong dãy gọi là hàng. + Cứ 10 đơn vị ở một hàng thì bằng 1 đơn vị ở hàng liền trước nó. Chẳng hạn : 10 chục = 1 trăm; 10 trăm = 1 nghìn. ?. Các số đó là: 120; 210; 102; 201 b. Giá trị các chữ số của một số tự nhiên

* GV cho HS phát biểu theo mẫu câu đã cho và phân tích cho HS * GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi thực hiện yêu cầu của HĐ1. * GV chốt đáp án và lưu ý lại những trường hợp sai. * GV viết đầy đủ trên bảng cho thẳng cột để cộng lại theo cột đi đến HĐ2 => Kết luận. * GV phân tích ví dụ trong SGK -> Tổng quát lại cho HS. * GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành phần Luyện tập: <i>Viết số 34 604 thành tổng giá trị các chữ số của nó.</i> * GV yêu cầu HS viết số 492 thành tổng giá trị các chữ số của nó sau đó hoàn thành phần Vận dụng. - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu. + GV: quan sát và trợ giúp HS. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở. + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại	- Mỗi chữ số tự nhiên viết trong hệ thập phân đều biểu diễn được thành <u>tổng giá trị các chữ số của nó.</u> <u>Ví dụ:</u> $236 = (2 \times 100) + (3 \times 10) + 6$ *TQ: $\overline{ab} = (a \times 10) + b, \text{ với } a \neq 0$ $\overline{abc} = (a \times 100) + (b \times 10) + c$ $34\ 604 = (3 \times 10\ 000) + (4 \times 1000) + (6 \times 100) + 4$ <u>Vận dụng:</u> $492 = (4 \times 100) + (9 \times 10) + 2$ => 4 từ 100 nghìn, 9 từ 10 nghìn và 2 từ 1 nghìn đồng.
---	--

Hoạt động 2: Số La Mã

a) **Mục tiêu:** HS viết được số La Mã từ 1 đến 30..

b) **Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

GV: Nguyễn Thị Mơ

Trưởng: THCS Ngũ Lão

d) Tổ chức thực hiện:

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN																																																				
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + GV chiếu bảng số La Mã kí hiệu và giá trị 5 thành phần để ghi số La Mã. <table><tr><td>Thành phần</td><td>I</td><td>V</td><td>X</td><td>IV</td><td>IX</td></tr><tr><td>Giá trị</td><td>1</td><td>5</td><td>10</td><td>4</td><td>9</td></tr></table> + GV giới thiệu và cho HS đọc và ghi nhớ các thành phần chính trong bảng trên. + GV chiếu các số La Mã biểu diễn các số từ 1 đến 10 <table><tr><td>I</td><td>II</td><td>III</td><td>IV</td><td>V</td><td>VI</td><td>VII</td><td>VIII</td><td>IX</td><td>X</td></tr><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table> + GV giới thiệu rồi cho HS đọc đồng thanh, đọc thầm cá nhân rồi ghi nhớ cách viết. + GV chiếu các số La Mã biểu diễn số từ 11 đến 20: <table><tr><td>XI</td><td>XII</td><td>XIII</td><td>XIV</td><td>XV</td><td>XVI</td><td>XVII</td><td>XVIII</td><td>XIX</td><td>XX</td></tr><tr><td>11</td><td>12</td><td>13</td><td>14</td><td>15</td><td>16</td><td>17</td><td>18</td><td>19</td><td>20</td></tr></table> + GV giới thiệu rồi cho HS đọc đồng thanh, đọc thầm cá nhân rồi ghi nhớ cách viết. + GV chiếu các số La Mã biểu diễn các số từ 21 đến 30 hoặc cho HS quan sát SGK-tr11. + GV giới thiệu cách viết rồi cho HS đọc đồng thanh, đọc thầm cá nhân rồi ghi nhớ cách viết. + GV kết hợp xóa đi 1 số ô trống ở trong từng loại bảng để kiểm tra ghi nhớ của HS. + GV cho HS đọc nhận xét trong SGK- tr11 và lưu ý lại cho HS.	Thành phần	I	V	X	IV	IX	Giá trị	1	5	10	4	9	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	XI	XII	XIII	XIV	XV	XVI	XVII	XVIII	XIX	XX	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	2. SỐ LA MÃ ? a) Viết các số 14 và 27 bằng số La Mã: XIV; XXVII. b) Đọc các số La Mã XVI, XXII: + XVI: Mười sáu + XXII: Hai mươi hai.
Thành phần	I	V	X	IV	IX																																																
Giá trị	1	5	10	4	9																																																
I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X																																												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																																												
XI	XII	XIII	XIV	XV	XVI	XVII	XVIII	XIX	XX																																												
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20																																												

Nhận xét 1. Mỗi số La Mã biểu diễn một số tự nhiên bằng tổng giá trị các thành phần viết trên số đó. Chẳng hạn, số XXIV có ba thành phần là X, X và IV tương ứng với các giá trị 10, 10 và 4. Do đó XXIV biểu diễn số 24. 2. Không có số La Mã nào biểu diễn số 0. * GV yêu cầu HS hoàn thành phần “?” + GV chia cả lớp theo nhóm đôi hoàn thành thử thách nhỏ, thi xem nhóm nào sử dụng 7 que tính xếp được nhanh và nhiều số La Mã đúng nhất. - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS theo dõi màn chiếu, SGK, chú ý nghe, đọc, ghi chú (thực hiện theo yêu cầu). + GV: phân tích, quan sát và trợ giúp HS. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu. + HS nhận xét, bổ sung cho nhau. - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát lưu ý lại cách viết số La Mã và gọi 1 học sinh nhắc lại.	<u>Thử thách nhỏ:</u> XVIII (18); XXIII (23); XXIV (24); XXVI (26); XXIX (29).
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) **Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1.6 ; 1.7 ; 1.8 SGK – tr12

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.

Bài 1.6:

+ **27 501:** Hai mươi bảy nghìn năm trăm linh một.

+ **106 712:** Một trăm linh sáu nghìn bảy trăm mười hai.

+ **7 110 385:** Bảy triệu một trăm mười nghìn ba trăm tám mươi năm.

+ **2 915 404 267:** Hai tỉ chín trăm mười lăm triệu bốn trăm linh bốn nghìn hai trăm sáu mươi bảy.

Bài 1.7 :

a) Hàng trăm ;

b) Hàng chục ;

c) Hàng đơn vị .

Bài 1.8 :

+ XIV : Mười bốn

+ XVI : Mười sáu

+ XXIII : Hai mươi ba.

Bài 1.9 :

+ 18 : XVIII

+ 25 : XXV

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNGa) **Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững và củng cố kiến thức.b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS.d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng.

Bài 1.10 : Số có sáu chữ số nên hàng cao nhất là hàng trăm nghìn. Chữ số này phải khác 0 nên hàng trăm nghìn là chữ số 9. Từ đó suy ra số cần tìm là 909 090.**Bài 1.11 :** Chữ số 5 có giá trị 50 nên thuộc hàng chục => số đó là : **350**.**Bài 1.12 :** Ta thấy mỗi gói có 10 cái kẹo, mỗi hộp có 100 cái kẹo (10 gói) và mỗi thùng có 1000 cái kẹo. Người đó mua 9 thùng, 9 hộp và 9 gói kẹo nên tổng số kẹo là :

$$9 \times 1000 + 9 \times 100 + 9 \times 10 = 9\,990 \text{ (cái kẹo)}$$

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

- Hình ảnh các con số trong lịch sử :

1	2	3	4	5	6	7	8	9
—	=	≡	+	h	4	7	↵	?

Chữ số Ấn Độ cuối thế kỉ 1

European (descended from the West Arabic)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Arabic-Indic	.	١	٢	٣	٤	٥	٦	٧	٨	٩
Eastern Arabic-Indic (Persian and Urdu)	.	١	٢	٣	٤	٥	٦	٧	٨	٩
Devanagari (Hindi)	०	१	२	३	४	५	६	७	८	९
Tamil		௦	௧	௨	௩	௪	௫	௬	௭	௮

1	٢	11	<٢	21	<<٢	31	<<<٢	41	<<<<٢	51	<<<<<٢
2	٣	12	<٣	22	<<٣	32	<<<٣	42	<<<<٣	52	<<<<<٣
3	٤	13	<٤	23	<<٤	33	<<<٤	43	<<<<٤	53	<<<<<٤
4	٥	14	<٥	24	<<٥	34	<<<٥	44	<<<<٥	54	<<<<<٥
5	٦	15	<٦	25	<<٦	35	<<<٦	45	<<<<٦	55	<<<<<٦
6	٧	16	<٧	26	<<٧	36	<<<٧	46	<<<<٧	56	<<<<<٧
7	٨	17	<٨	27	<<٨	37	<<<٨	47	<<<<٨	57	<<<<<٨
8	٩	18	<٩	28	<<٩	38	<<<٩	48	<<<<٩	58	<<<<<٩
9	٠	19	<٠	29	<<٠	39	<<<٠	49	<<<<٠	59	<<<<<٠
10	<	20	<<	30	<<<	40	<<<<	50	<<<<<		

Bảng chữ số Ả Rập**Chữ số Babylon**

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
30	31	32	33	34	35	36	37	38	39

Chữ số Maya

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học lý thuyết: Cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân, mối quan hệ giữa các hàng và giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân và học thuộc cách biểu diễn các chữ số La Mã từ 1 -> 30.
- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **1.32; 1.33-SGK-tr20;**
- Chuẩn bị bài mới “**Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên**”